

**CÔNG TY TNHH CUNG ỨNG DỊCH VỤ XÂY DỰNG T&H**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CUNG ỨNG DỊCH VỤ XÂY DỰNG T&H

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110661080

**3. Ngày thành lập:** 25/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Shophouse H3-TM8 Chung Cư Hoperesaidence, Số 1 Đường Nguyễn Lam, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0978298024

Fax:

Email: Ngotattu0405@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết:<br>Thi công trần vách thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4330(Chính) |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4390        |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá, môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)                                                                                                                                     | 4610        |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4641        |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(trừ Bán buôn dược phẩm)<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, vécni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim<br>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663 |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8299 |
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Hoạt động tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng, thủy lợi, hạ tầng<br>Hoạt động thăm tra thiết kế xây dựng<br>Hoạt động kiểm định công trình xây dựng<br>Hoạt động lập quy hoạch, khoan, thăm dò địa chất, nguồn nước<br>Hoạt động kiến trúc<br>Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác<br>Hoạt động tư vấn thiết kế các công trình xây dựng, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng | 7110 |
| 11. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thi công trang trí ngoại nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410 |
| 12. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1621 |
| 13. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1622 |
| 14. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1623 |
| 15. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1629 |
| 16. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2394 |
| 17. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2395 |
| 18. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2396 |
| 19. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3100 |
| 20. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4101 |
| 21. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4102 |
| 22. | Phá dỡ<br>(không gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311 |
| 23. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(không gồm hoạt động nổ mìn; rà phá bom, mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4312 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4321 |
| 25. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4751 |
| 26. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 27. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4753 |
| 28. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGÔ TẤT TÚ

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 04/05/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026093005724

Ngày cấp: 06/10/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đồi Me, Xã Yên Lập, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đồi Me, Xã Yên Lập, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGÔ TẤT TỬ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/05/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026093005724

Ngày cấp: 06/10/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đồi Me, Xã Yên Lập, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đồi Me, Xã Yên Lập, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội